

Số: /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2314/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 686/TTr-SGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh (đính kèm Kế hoạch).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, VXNV. NAM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Long Biên

KẾ HOẠCH**Chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học
giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh**

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số lĩnh vực giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh, nhằm đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ xã hội và hội nhập, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh nguồn lao động; làm nền tảng cho phát triển nền kinh tế số, tận dụng tốt thời cơ cách mạng công nghiệp lần thứ tư; xây dựng ngành Giáo dục tỉnh hiện đại, chất lượng, hiệu quả; hỗ trợ người dân dễ dàng tiếp cận giáo dục, được học tập, nâng cao trình độ dân trí liên tục và học tập suốt đời.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhằm tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả, công bằng trong giáo dục.

- Người học và nhà giáo là trung tâm của quá trình chuyển đổi số; việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số nhằm mang lại lợi ích cho người học và doanh nghiệp, là thước đo chủ yếu đánh giá sự hài lòng, mức độ thành công của chuyển đổi số của ngành.

- Tăng cường quản lý sự thay đổi nhận thức từ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo và người lao động trong ngành đối với việc chuyển đổi số; tích cực huy động mọi nguồn lực của xã hội nhằm thúc đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục.

2. Yêu cầu

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục nhất thiết phải kế thừa và phát triển ứng dụng CNTT trên nền tảng công nghệ số.

- Kiến trúc số phải được thiết kế đồng bộ, bao quát, có hệ thống trong tổng thể Chương trình chuyển đổi số của tỉnh; được triển khai từng bước có trọng tâm, trọng điểm, đạt hiệu quả cao trong từng giai đoạn, nhất là trong giai đoạn thực hiện chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt và kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

- Thiết kế mô hình quản lý giáo dục trên nền tảng số và tài nguyên giáo dục hiện có để sử dụng chung, là chìa khóa để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số ở lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao và thống nhất nhận thức trong cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh cũng như toàn xã hội về các nội dung của chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục, nhất là vai trò, ý nghĩa, các nhiệm vụ trọng tâm của chuyển đổi số, làm cơ sở để huy động các nguồn lực từ bên trong và bên ngoài ngành để giúp quá trình triển khai chuyển đổi số đạt được kết quả cao nhất.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Ngành Giáo dục tận dụng tiến bộ công nghệ số để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục; gia tăng cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi đối tượng, nhất là người dân ở những vùng khó khăn; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển kinh tế số và xã hội số.

2. Chỉ tiêu

2.1. Giai đoạn 2022 - 2025

a) Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với nhà giáo và người học:

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 50% học sinh và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến:

+ Ứng dụng các nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 50% học sinh sử dụng;

+ Hình thành kho học liệu trực tuyến của tỉnh và ứng dụng kho học liệu quốc gia đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho 50% nội dung chương trình giáo dục phổ thông;

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến

+ Tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở cấp tiểu học, 10% ở cấp trung học;

b) Đổi mới mạnh mẽ phương thức quản lý, điều hành dựa trên công nghệ và dữ liệu, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, chất lượng cung cấp dịch vụ hỗ trợ của Nhà nước và các cơ sở giáo dục

- Về quản trị nhà trường: 100% cơ sở giáo dục áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

+ 100% người học, 100% nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất;

+ 80% cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành Giáo dục được thiết lập và vận hành hiệu quả, trong đó:

+ Cơ sở dữ liệu toàn ngành được hoàn thiện, kết nối thông suốt với tất cả các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy, kịp thời; được kết nối, chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu của tỉnh, quốc gia;

+ Các cơ quan quản lý giáo dục cấp huyện được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 90% hồ sơ công việc tại cấp sở; 80% hồ sơ công việc tại cấp phòng được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán);

+ Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 90%;

+ Tỷ lệ người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục đạt trung bình 80%;

+ Tỷ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 95%.

2.2. Giai đoạn đến năm 2030

Đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân vào môi trường số, trong đó:

- Ứng dụng hoàn toàn một nền tảng dạy và học trực tuyến quốc gia tích hợp kho học liệu số hỗ trợ 100% người học và nhà giáo tham gia có hiệu quả các hoạt động giáo dục trực tuyến; đáp ứng yêu cầu về tài liệu học tập cho toàn bộ chương trình giáo dục phổ thông;

- 100% nguồn lực giáo dục, chương trình giáo dục và đối tượng giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân được quản lý trên môi trường số, kết nối thông suốt toàn ngành, liên thông với các cơ sở dữ liệu, thông tin quốc gia.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác truyền thông nâng cao nhận thức của các đơn vị, cơ sở giáo dục (nhất là người đứng đầu của đơn vị), cộng đồng về vai trò, lợi ích của việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục

- Quán triệt trong toàn ngành nhằm thay đổi tư duy, nhận thức tích cực trong việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số đó là:

+ Thay đổi phương thức quản lý, chỉ đạo điều hành hiện tại, để hướng đến quản lý công việc trên nền tảng công nghệ số.

+ Tạo môi trường thuận lợi để người dân tiếp cận các dịch vụ giáo dục một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch; qua đó, thay đổi cách tiếp nhận các dịch vụ giáo dục truyền thống sang các dịch vụ giáo dục số mà nền tảng là dữ liệu số.

+ Thực hiện các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ trên nền tảng dữ liệu số; thúc đẩy đầu tư vào số hóa dữ liệu, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) một cách mạnh mẽ.

+ Phát triển các hệ chương trình phải dựa trên nền tảng dữ liệu và phương thức làm việc với ứng dụng CNTT gắn liền với khả năng sử dụng, kết nối, trao đổi, chia sẻ dữ liệu.

+ Thay đổi tư duy quản lý theo hướng tiếp cận công nghệ số, đảm bảo đúng quy định pháp luật về Văn thư lưu trữ, hạn chế thấp nhất sử dụng quản lý và lưu trữ truyền thống.

+ Đa dạng các hình thức, giải pháp tiếp cận theo nhu cầu “cần gì học đó”, “học mọi lúc - mọi nơi” của người học, góp phần xây dựng hệ thống giáo dục bảo đảm mọi công dân đều được học tập suốt đời, hướng đến xây dựng xã hội học tập.

- Huy động sự tham gia của người dân, tổ chức, doanh nghiệp cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích của chuyển đổi số.

- Thúc đẩy nghiên cứu, sáng tạo và thử nghiệm các công nghệ số trong giáo dục, tổ chức kết nối, tập hợp, thúc đẩy phát triển các sản phẩm ứng dụng, nền tảng giáo dục số. Xây dựng quy định về đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo an ninh mạng trên phạm vi toàn ngành trên nền tảng chung của tỉnh.

2. Phát triển công nghệ, ứng dụng công nghệ trong kiến trúc số để xây dựng hệ chương trình quản lý giáo dục

a) Phát triển công nghệ:

Nguyên tắc về sử dụng công nghệ phải phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử và các quy định, hướng dẫn liên quan của các Bộ, ngành Trung ương; phù hợp với kiến trúc tổng thể về CNTT của tỉnh và ngành Giáo dục.

Công nghệ phải đảm bảo tính linh hoạt và thích ứng cao; đảm bảo về mặt tư duy tổng thể, triển khai linh hoạt. Triển khai từng giai đoạn để đảm bảo các đơn vị, cơ sở giáo dục, người dân thích ứng với thay đổi.

Khai thác tối đa các công nghệ hiện đại (tập trung công nghệ nền tảng; công nghệ cốt lõi) phù hợp với xu hướng phát triển trên nguyên tắc bảo đảm tính trung lập về kỹ thuật công nghệ, ưu tiên áp dụng các tiêu chuẩn mở, công nghệ mở, mã nguồn mở.

Coi trọng giải pháp bảo mật, an toàn thông tin đầy đủ cho các thành phần trong mô hình giáo dục thông minh, chuyển đổi số trong giáo dục theo lộ trình phù hợp.

b) Cơ sở dữ liệu:

Dữ liệu là nền tảng quyết định trong quá trình chuyển đổi số, xây dựng giáo dục thông minh. Dữ liệu cần được kế thừa, phát triển và lưu trữ lâu dài, là tài nguyên cốt lõi để triển khai chuyển đổi số. Ứng dụng các công nghệ tiện ích như dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo để xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu.

Dữ liệu hình thành trong hoạt động của ngành là tài sản của ngành và được quản lý bởi ngành Giáo dục, của các cơ quan có thẩm quyền được UBND tỉnh giao nhiệm vụ; được chia sẻ và dùng chung nhằm phục vụ các hoạt động của ngành cũng như của cơ quan nhà nước hướng tới phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Dữ liệu ngành phải được tuân thủ các tiêu chuẩn mở và kiến trúc hướng dịch vụ để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tránh trùng lặp. Đồng thời hướng tới việc cung cấp dữ liệu mở cũng như kết nối đến công dữ liệu mở của tỉnh để khuyến khích sáng tạo và tạo ra giá trị mới.

3. Xây dựng, triển khai nền tảng số, sinh thái số phục vụ công tác quản lý và dạy học tại các cơ sở giáo dục

a) Xây dựng nền tảng số:

- Hệ thống Cơ sở dữ liệu giáo dục tập trung;
- Kết nối thanh toán điện tử;
- Cung cấp thông tin tình trạng giải quyết hồ sơ hành chính;
- Tích hợp, cung cấp dữ liệu giáo dục;
- Liên thông các hệ thống thông tin.
- Triển khai hệ thống chữ ký số trong hồ sơ quản lý giáo dục. Phát triển các nền tảng ứng dụng di động trong việc cung cấp các dịch vụ giáo dục.

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu giáo dục, ứng dụng các công nghệ thông minh để phân tích số liệu về hoạt động giáo dục kịp thời, chính xác, giúp báo cáo, dự báo chính xác để có cơ sở tham mưu cấp có thẩm quyền trong việc xây dựng và hoạch định các chính sách giáo dục phù hợp trên quy mô toàn tỉnh.

b) Xây dựng sinh thái số hoá:

- Hoàn thiện và chuẩn hóa cơ sở dữ liệu ngành, số hóa các dữ liệu chuyên ngành, liên thông, tích hợp với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh nhằm phục vụ công tác quản lý và khai thác, chia sẻ dữ liệu ngành.

- Hình thành bộ phận chuyên trách điều hành “Nền tảng sinh thái số giáo dục thông minh” trên cơ sở triển khai và hoàn thiện hệ thống thông tin thống nhất của ngành trên Trục liên thông cơ sở dữ liệu giáo dục (Mô hình quản lý tập trung) phục vụ công tác quản lý, điều hành giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng tích hợp phần mềm thống kê giáo dục triển khai toàn ngành Giáo dục nhằm minh bạch hoá dữ liệu thống kê theo quy định pháp luật.

- Triển khai cơ sở dữ liệu ngành đồng bộ từ cơ sở hướng đến phục vụ người dân, bao gồm:

+ Ứng dụng các nền tảng dạy học trực tuyến trong nước theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Xây dựng nền tảng quản lý và đăng ký nhập học trực tuyến đối với cấp học mầm non; tuyển sinh đối với học sinh nhập học mới ở các lớp 1, 6, 10 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh không phải trực tiếp đến các cơ sở giáo dục, góp phần công khai minh bạch số liệu tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh, đáp ứng mục tiêu và các giải pháp phòng chống dịch COVID-19 theo quy định.

+ Triển khai, hoàn thiện các ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành điện tử, bao gồm số hóa tất cả các loại hồ sơ được quy định trong Điều lệ trường học ở các cấp học; từng bước loại bỏ các loại hồ sơ giấy không cần thiết gây phiền hà

cho người dùng có liên quan đến giáo viên, cán bộ quản, học sinh, cha mẹ học sinh. Nghiêm cấm việc tự đặt ra các loại hồ sơ không có trong quy định trong Luật Giáo dục và Điều lệ trường học của các cấp học.

c) Xây dựng nền tảng ứng dụng “Trường học thông minh - Trường học không tiền mặt”:

- Triển khai xây dựng “Phần mềm quản lý trực tuyến các nguồn thu” tại 100% trường học trên địa bàn tỉnh nhằm liên thông dữ liệu với các cơ quan tài chính, hỗ trợ phụ huynh, học sinh thanh toán học phí hoặc các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật, không dùng tiền mặt.

- Triển khai xây dựng phần mềm xét và cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp THCS, THPT tạm thời, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình cấp học THPT.

- Triển khai xây dựng cổng thông tin Đăng ký nhập học trực tuyến cho cấp học mầm non, tuyển sinh đầu cấp lớp 1, 6, 10; liên thông kết nối với CSDL phổ cập giáo dục-xóa mù chữ quốc gia.

d) Xây dựng hệ thống thư viện trường học tiên tiến:

- Xây dựng trung tâm học liệu E-library, ứng dụng công nghệ giúp học sinh mở rộng phạm vi nghiên cứu học tập. Tối ưu hóa việc lưu trữ, bảo quản khai thác và giao lưu thông tin, góp phần nâng cao hiệu quả phục vụ của người dùng trong và ngoài các thư viện nhà trường.

- Số hóa và xây dựng hệ thống dữ liệu liên thư viện tiên tiến, hỗ trợ giáo viên, học sinh chủ động về phương thức tìm kiếm, truy cập từ xa các thông tin, dữ liệu học tập nghiên cứu.

- Phối hợp hoạt động giảng dạy của giáo viên với việc tự học, tự nghiên cứu của học sinh, trao đổi các dữ liệu giảng dạy trong và ngoài nhà trường; giáo viên và các nhà quản lý giáo dục có thể hỗ trợ chia sẻ nguồn tư liệu, tài liệu khoa học, tài liệu giảng dạy qua đó góp phần chuyển đổi số trong hoạt động của thư viện, hình thành hệ thống các thư viện tiên tiến từng bước hiện đại cho các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh.

đ) Xây dựng nền tảng số hỗ trợ nâng cao hiệu quả dạy - học trực tuyến:

- Khai thác và ứng dụng triệt để các nền tảng số hỗ trợ dạy học trực tuyến của quốc gia, trong đó ưu tiên ứng dụng các nền tảng số trong nước.

- Số hóa học liệu (hay học liệu điện tử) bao gồm: Giáo trình điện tử, sách giáo khoa điện tử, tài liệu tham khảo điện tử, bài kiểm tra đánh giá điện tử, bản trình chiếu, băng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm mô phỏng và các học liệu được số hóa khác nhằm hình thành kho học liệu số.

4. Đẩy mạnh phát triển, nâng cấp các hệ thống thông tin giáo dục trên các nền tảng số mới nhất về truyền thông xã hội; cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công một cách đơn giản, thuận tiện trên nhiều nền tảng khác nhau nhằm cung cấp trải nghiệm tốt nhất, thân thiện nhất cho người dùng

- Triển khai, hoàn thiện các ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành điện tử, hạn chế việc sử dụng giấy tờ, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử; triển khai hệ thống chữ ký số.

- Kết nối với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh nhằm triển khai tốt dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo lộ trình cải cách hành chính của tỉnh.

- Số hoá các văn bản, tài liệu của ngành giáo dục thông qua Hệ quản lý văn bản TD Office, E-Office, Office 365. Ưu tiên số hóa dữ liệu Tốt nghiệp Trung học phổ thông, tuyển sinh lớp 10.

5. Chỉ đạo triển khai nhiệm vụ quản lý giáo và hỗ trợ phục vụ chuyên môn cho từng cấp học

- Xây dựng các quy định về quản lý, thu thập dữ liệu giáo dục; các quy chuẩn, quy định về kết nối, liên thông dữ liệu trong ngành; hướng dẫn về ứng dụng CNTT trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Phát triển, hoàn thiện cơ sở dữ liệu chuyên ngành trên nguyên tắc cơ sở dữ liệu tập trung được lưu giữ một cách có hệ thống và lâu dài. Cơ sở dữ liệu giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý, vận hành và khai thác.

- Phát triển nền tảng tích hợp cơ sở dữ liệu về giáo dục và đào tạo (Trục cơ sở dữ liệu), kết nối giữa các cơ sở dữ liệu giáo dục và các hệ thống giáo dục chuyên ngành khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xây dựng phát triển nền tảng dữ liệu mở về giáo dục, thu thập dữ liệu kết hợp với dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu khác hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở ngành giáo dục và đào tạo.

6. Phát triển nguồn nhân lực đủ số lượng, đảm bảo trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm đối với cơ quan quản lý giáo dục và đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập, đồng thời phát triển năng lực ứng phó nhằm đảm bảo an toàn, an ninh mạng

a) Phát triển nguồn nhân lực:

- Tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ giáo viên, nhân viên phụ trách giảng dạy tin học, phụ trách công tác văn phòng, quản trị mạng tại các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục phải đảm bảo đúng tiêu chí, trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

- Nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho giáo viên, cán bộ quản lý thông qua các khoá đào tạo, tập huấn định kỳ và thường xuyên hàng năm.

- Đặt hàng đào tạo hoặc liên kết đào tạo cán bộ chuyên môn trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo gồm các tiêu chuẩn CNTT giáo dục, các công nghệ số về dữ liệu ..., làm nòng cốt cho chuyển đổi số trong toàn ngành giáo dục.

- Bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ vận hành, khai thác dữ liệu theo mô hình Trung tâm điều hành giáo dục thông minh và triển khai các ứng dụng CNTT trong giáo dục.

b) Đảm bảo an toàn, an ninh mạng:

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, các cơ quan có liên quan triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh các hệ thống thông tin của ngành.

- Các cơ sở giáo dục triển khai đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị theo đúng quy định. Triển khai hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin toàn ngành.

7. Huy động mọi nguồn lực để đẩy nhanh mục tiêu chuyển đổi số trong ngành Giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm được ưu tiên hàng đầu

- Hàng năm cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên phân bổ cho ngành Giáo dục để đẩy nhanh mục tiêu chuyển đổi số.

- Tập trung xây dựng và lập kế hoạch chi tiết đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT để phục vụ chuyển đổi số theo lộ trình cho cả giai đoạn để làm cơ sở tham mưu cấp có thẩm quyền hàng năm bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc làm cơ sở cho việc huy động các nguồn lực xã hội hóa.

- Ngành Giáo dục chủ động tham mưu các nguồn lực từ bên ngoài như: các Dự án, Chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các chương trình, dự án của các tổ chức phi Chính phủ tài trợ cho giáo dục để góp phần tạo đà cho quá trình ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của ngành.

8. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong toàn ngành giáo dục nhằm chấn chỉnh hoặc xử lý các trường hợp trì trệ, đi ngược quan điểm chỉ đạo, cố tình sai phạm làm ảnh hưởng đến mục tiêu chuyển đổi số

- Các cơ quan chuyên môn, Thanh tra chuyên ngành, UBND huyện, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao; hàng năm xây dựng kế hoạch tập trung thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trong ngành Giáo dục nhằm kịp thời chấn chỉnh hoặc xử lý các vi phạm có liên quan đến quy định của pháp luật về chuyển đổi số và ứng dụng CNTT.

- Đề xuất, kiến nghị các chính sách cần sửa đổi, bổ sung do chưa phù hợp với thực tiễn trong quản lý nhà nước về chuyển đổi số.

- Tăng cường công tác thanh kiểm tra nội bộ; phát huy dân chủ ở cơ sở nhằm phát hiện, chấn chỉnh hoặc xử lý kịp thời không để xảy ra sai phạm, tham nhũng hoặc gây lãng phí có liên quan đến chuyển đổi số.

9. Xây dựng mô hình điểm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục để làm cơ sở khen thưởng, nhân rộng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số

- Mỗi cơ sở giáo dục theo từng cấp học và cơ quan quản lý giáo dục cấp huyện, thành phố chọn điển hình một hoặc một số trường/cấp học để xây dựng kế hoạch chiến lược tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, nguồn lực để thúc đẩy việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số ngành trong giai đoạn đầu.

- Phát động sâu rộng phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học”, “Giỏi việc trường - đảm việc nhà”, “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương đạo

đức, tự học và sáng tạo”,... gắn với việc ứng dụng hiệu quả CNTT, chuyển đổi số ngay trong mỗi hành động, mỗi công việc chuyên môn của Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

- Hàng năm đề xuất biểu dương, khen thưởng các cá nhân tập thể xuất sắc trong trong trào “viết và áp dụng sáng kiến”, “đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng” trong lĩnh vực CNTT và chuyển đổi số trong toàn ngành.

IV. KINH PHÍ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Kinh phí phục vụ cho chuyển đổi số của ngành Giáo dục được ngân sách nhà nước cấp trong tổng thể nguồn ngân sách phục vụ cho chuyển đổi số của tỉnh; trong đó tập trung hai lĩnh vực:

1. Đầu tư cơ sở hạ tầng

- Xây dựng phòng học vi tính (kể cả bàn ghế và hệ thống an toàn phục vụ vận hành cho phòng máy).

- Mua sắm máy vi tính phục vụ giảng dạy - học tập.

- Kiến trúc và thiết kế Hệ thống quản lý giáo dục.

- Kinh phí ước tính là: 296,15 tỷ đồng; bình quân mỗi năm cho giai đoạn 10 năm với nhu cầu kinh phí khoảng 29,6 tỷ đồng. (*Đính kèm Phụ lục*)

- Nguồn vốn dự kiến đầu tư cơ sở hạ tầng được ghi tại các văn bản sau:

+ Quyết định số 2314/QĐ-UBND của UBND tỉnh, ngày 15/12/2021, Ban hành Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

+ Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 16/01/2022 của UBND tỉnh về đầu tư cơ sở vật chất để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

2. Đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực

- Hàng năm, ngành Giáo dục xây dựng kế hoạch chủ động liên kết đào tạo nâng cao năng lực ứng dụng CNTT cho CBQL, GV, NV cốt cán của các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục để đảm bảo chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm theo Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Ninh Thuận.

- Bồi dưỡng thường xuyên và định kỳ hàng năm trong quá trình ứng dụng CNTT trong chuyển đổi số cho các đối tượng được phân công theo vị trí việc làm.

- Nhu cầu kinh phí cho đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho chuyển đổi số khoảng 3 tỷ đồng, được lồng ghép theo Quyết định số 396/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND huyện, thành phố trong việc xây dựng kế hoạch đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin cho các cơ sở giáo dục theo phân cấp quản lý;

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng dự án đầu tư máy chủ, Trang thông tin điện tử của ngành Giáo dục trình cấp có thẩm quyền cho chủ trương thực hiện, nhằm đảm bảo hạ tầng CNTT để kết nối tất cả cơ sở giáo dục trong việc số hóa dữ liệu để hướng đến phục vụ người dùng tốt nhất.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc xây dựng và lập kế hoạch đầu tư xây dựng hạ tầng giáo dục giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030, trong đó có kế hoạch chuyển đổi số.

- Phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu cho UBND tỉnh huy động nguồn lực chuyển đổi số để từng bước đáp ứng chuyển đổi được đồng bộ ở tất cả các cơ sở giáo dục và cơ quan quản lý giáo dục.

- Hàng năm, xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chương trình; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết; đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trong trường hợp cần thiết.

- Ban hành hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh các văn bản hướng dẫn, triển khai, thực hiện quá trình chuyển đổi số trong hoạt động giáo dục khi có hướng dẫn của Trung ương.

- Thành lập Ban chỉ đạo về chuyển đổi số và ứng dụng CNTT của ngành Giáo dục để chỉ đạo toàn ngành thực hiện đúng mục tiêu chiến lược chuyển đổi số của tỉnh.

- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hàng năm và theo giai đoạn, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo đúng mục tiêu Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số, gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong công tác kiểm tra, thẩm định, đề xuất cho UBND tỉnh các lĩnh vực đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin như: đầu tư công nghệ để chuyển đổi số, các nền tảng ứng dụng trong chuyển đổi số; an ninh, an toàn mạng; liên thông dữ liệu; kết nối vào Trung tâm điều hành thông minh Ninh Thuận.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ những khó khăn về cuộc vận động “Sóng và máy tính cho em” đối với trẻ em nghèo, vùng đặc biệt khó khăn, vùng DTTS để có điều kiện trang thiết bị học tập thích ứng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu phân bổ vốn đầu tư công theo đúng quy định của Luật Đầu tư công để thực hiện Kế hoạch.

4. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ vốn sự nghiệp để thực hiện Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

5. UBND huyện, thành phố

- UBND huyện, thành phố chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án có liên quan đến chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục theo phân cấp quản lý.

- Trong phạm vi phân cấp theo thẩm quyền về quản lý giáo dục theo quy định; UBND huyện, thành phố tập trung chỉ đạo cho các cơ quan chuyên môn phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện việc ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục, đồng bộ với kế hoạch chung của ngành. Trong đó, chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng thông tin, trước hết là xây dựng đủ phòng học cho dạy học môn tin học, chỉ đạo tuyển dụng nguồn nhân lực CNTT đúng chuyên ngành, phù hợp với vị trí việc làm như: Giáo viên dạy tin học, nhân viên phụ trách CNTT (Văn phòng) tại các cơ sở giáo dục.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trong ngành giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

- Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp tỉnh và Thường trực Tỉnh ủy.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số trong ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các đơn vị liên quan triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung; các sở, ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

DANH MỤC

ƯU TIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ GIÁO DỤC GIAI ĐOẠN 2022 – 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Thuận)

I. Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin: 296,15 tỷ đồng.

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng	Định mức (triệu đồng)	Dự toán kinh phí (Triệu đồng)	Chủ trì thực hiện	Phối hợp thực hiện	Thời gian hoàn thành	Ghi chú (Nguồn kinh phí thực hiện)
Tổng cộng đầu tư hạ tầng					296.150				
1	Thiết kế kiến trúc Hệ thống quản lý giáo dục (giải pháp chuyển đổi số)	Modul	8	375	3.000	Sở TT-TT	Sở GDĐT	Năm 2022	Theo QĐ số 2314 /QĐ-UBND ngày 15/12/2021, của UBND tỉnh, Ban hành Đề án “Chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”
2	Máy vi tính	Bộ	8130		121.950				Bố trí vốn theo Kế hoạch số 228/KH-UBND, ngày 16/01/2022 của UBND tỉnh, Đầu tư cơ sở vật chất để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.
2.2	Trường Tiểu học (150 trường x 35 máy/phòng)	“	5.250	15	78.750	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện, thành phố	NH: 2022-2025	
2.3	Trường THCS (64 trường x 45 máy/phòng)	“	2.880	15	43.200				
3	Xây dựng phòng học vi tính	Phòng	214		171.200				Bố trí vốn theo Kế hoạch số 228/KH-UBND, ngày 16/01/2022 của UBND tỉnh, Đầu tư cơ sở vật chất để thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.
3.1	Trường Tiểu học (tối thiểu 50m ² /phòng)	“	150	800	120.000	UBND huyện, Tp	Sở GDĐT	NH: 2022-2025	
3.2	Trường THCS (tối thiểu 60m ² /phòng)	“	64	800	51.200				

II. Xây dựng hệ sinh thái số ngành Giáo dục và Đào tạo

Stt	Giải pháp	Giao nhiệm vụ chủ trì	Giao nhiệm vụ phối hợp	Thời gian thực hiện	Tiến độ hoàn thành	Ghi chú
1	Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng GDĐT huyện, thành phố	2022	Chậm nhất Tháng 3/2022	
2	Tổ giúp việc Ban chỉ đạo chuyển đổi số	Sở Giáo dục và Đào tạo		2022	Chậm nhất tháng 4/2021	
3	Chuẩn hoá cơ sở dữ liệu ngành	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện, thành phố	NH:2021-2022	Thực hiện 3 kỳ trong năm: trước 31/10; 31/01; 31/5	
4	Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn về kết nối liên thông giữa các hệ thống phần mềm trong ngành GD&ĐT; quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở TTTT, UBND huyện, thành phố	2022	Trước 31/5/2022	
5	Xây dựng, ban hành quy định về số định danh (ID) giáo dục, quy chế sử dụng hồ sơ học vụ điện tử	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở TTTT, UBND huyện, thành phố	NH:2021-2022	Trước 31/5/2022	
6	Nâng cấp hệ thống CNTT Cơ quan Sở GD&ĐT	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở TTTT, Sở tài chính	NH:2021-2022	Trước 31/05/2022	
7	Rà soát, thống kê toàn bộ các Phần mềm đang sử dụng trong toàn ngành	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện, thành phố	NH:2021-2022	Trước 31/05/2022	
8	Xây dựng chuẩn hóa hồ sơ Dịch vụ công mức độ 3, 4	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, UBND huyện, thành phố	Năm 2022	Định kỳ theo quy định hàng năm	

III. Triển khai nền tảng số “Trường học thông minh – Trường học không tiền mặt”

Stt	Giải pháp	Giao nhiệm vụ chủ trì	Giao nhiệm vụ phối hợp	Thời gian thực hiện	Tiến độ hoàn thành	Ghi chú
1	Triển khai nền tảng dạy học trực tuyến	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở TTTT, UBND huyện, thành phố	Kể từ NH: 2021-2022	Năm học	Ứng phó với dịch bệnh Covid-19
2	Xây dựng thư viện số tiên tiến, hiện đại kết nối liên thông, dùng chung	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở TTTT, Sở VH-TT-DL, UBND huyện, thành phố	Giai đoạn 2021-2025	Theo lộ trình do đơn vị xây dựng	Gắn với kiểm định chất lượng GD mức độ 3, 4

Stt	Giải pháp	Giao nhiệm vụ chủ trì	Giao nhiệm vụ phối hợp	Thời gian thực hiện	Tiến độ hoàn thành	Ghi chú
3	Xây dựng kho học liệu số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ sở giáo dục	Giai đoạn 2021-2025	Theo lộ trình năm học	
4	Triển khai Phần mềm “Quản lý trực tuyến các nguồn thu” và đẩy mạnh hoạt động thanh toán học phí không dùng tiền mặt.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Tài chính, UBND huyện, thành phố	Năm 2022	Tháng 5/2022	Áp dụng cho năm học 2022-2023

IV. Nhân sự và đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực

Stt	Giải pháp	Giao nhiệm vụ chủ trì	Giao nhiệm vụ phối hợp	Thời gian thực hiện	Tiến độ hoàn thành	Ghi chú
1	Xây dựng CSDL quản lý nhân sự	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, UBND huyện, thành phố	NH: 2021-2022	Theo kế hoạch năm học	
2	Quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, GV	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, UBND huyện, thành phố	NH: 2022-2025	Nt	
3	Thuyên chuyển và tuyển dụng viên chức, công chức.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, UBND huyện, thành phố	NH: 2022-2025	Nt	
4	Công khai các đơn vị, loại hình dịch vụ giáo dục.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, UBND huyện, thành phố	NH: 2022-2025	Nt	

V. Khảo thí và quản lý chất lượng

Stt	Giải pháp	Giao nhiệm vụ chủ trì	Giao nhiệm vụ phối hợp	Thời gian thực hiện	Tiến độ hoàn thành	Ghi chú
1	Xây dựng CSDL về kiểm định Chất lượng giáo dục; Trường đạt chuẩn quốc gia	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện, thành phố	NH: 2022-2025	Theo kế hoạch năm học	
2	Số hóa dữ liệu tốt nghiệp Trung học phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện, thành phố	NH: 2022-2025	Theo kế hoạch được duyệt của Giám đốc Sở	
3	Xây dựng CSDL về dữ liệu quản lý	Sở Giáo dục và	UBND huyện,	NH: 2021-2022	Nt	Dữ liệu tất cả các

Stt	Giải pháp	Giao nhiệm vụ chủ trì	Giao nhiệm vụ phối hợp	Thời gian thực hiện	Tiến độ hoàn thành	Ghi chú
	văn bản, chứng chỉ	Đào tạo	thành phố			năm

VI. Quản trị các trục cơ sở dữ liệu do Bộ GDĐT triển khai trên hệ thống quốc gia

Stt	Giải pháp	Giao nhiệm vụ chủ trì	Giao nhiệm vụ phối hợp	Thời gian thực hiện	Tiến độ hoàn thành	Ghi chú
1	Chuẩn hoá CSDL về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện, thành phố	Thực hiện hàng năm	31/12 hàng năm	
2	Chuẩn hoá CSDL ngành	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện, thành phố	NH: 2021-2022	Đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ	Theo quy định của Bộ GDĐT

VII. Công tác Thanh tra và quản lý cơ sở vật chất trang thiết bị

Stt	Giải pháp	Giao nhiệm vụ chủ trì	Giao nhiệm vụ phối hợp	Thời gian thực hiện	Tiến độ hoàn thành	Ghi chú
1	Xây dựng CSDL và phần mềm quản lý công tác Thanh	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện, thành phố	NH: 2021-2022	Theo năm học	
2	Quản lý cơ sở vật chất và trang thiết bị trường học	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND huyện, thành phố	NH: 2021-2022	Trước 31/5/2022	Cập nhật tất cả danh mục thiết bị được cấp hàng năm phục vụ cho đổi mới SGK